TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C P
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Hiển.
2. Bà Phan Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 54/2, ấp B T 2, xã B T Đ, huyện P T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 36/2, ấp T L, xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 36/2, ấp T L, xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V T T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T cho rằng là do anh N ăn chơi và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N không thay

đổi mà còn đánh chị và thời gian đánh gần đây nhất là vào ngày 18/9/2018. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N thi cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T hay ghen vô cớ, khi xảy ra mâu thuẫn do không kiềm chế được bản thân nên anh có đánh chị T, anh thừa nhận anh có 01 lần quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài khi chị T biết thì anh có hứa sẽ không còn quan hệ với người đó và đã được chị T tha thứ. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì còn thương vợ và không muốn các con của anh sống thiếu tình cảm của cha mẹ.

- Về con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 16/6/2002 và Nguyễn Minh Thắng, sinh ngày 20/9/2007. Hiện các con chung đang sống với anh N, khi ly hôn chị T và anh N đồng ý để anh N nuôi dưỡng các con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xin rút lại yêu cầu, anh N cũng không có yêu cầu phản tố. Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày: Trước đây bà có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị T trả lại cho bà 09 chỉ vàng 24kara, 36.000.000đ và nền đất thổ cư có diện tích tích 103,5m2 thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 28, loại đất ở nông thôn tọa lạc tại xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang. Nhưng nay bà rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C P nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung thống nhất giao hai con chung tên Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 16/6/2002 và Nguyễn Minh Thắng, sinh ngày 20/9/2007 cho anh N tiếp tục nuôi dạy. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo đơn khởi kiện chị Trần

Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N, tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C P thụ lý giải quyết, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện C P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị T làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự có mặt đầy đủ nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N không đồng ý vì còn thương vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N thật sự đã đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân do vợ chồng không yêu thương đùm bọc lẫn nhau, thường hay dùng những lời lẽ xúc phạm và đe dọa nhau, đặc biệt hơn anh N có hành động đánh chị T nhiều lần gây thương tích, chị T cũng có hành động đánh lại anh N, đều này thể hiện bạo lực gia đình, không thể chấp nhận được, nếu tiếp tục sống chung thì sẽ không đảm bảo được hạnh phúc gia đình, do vậy việc chị T xin ly hôn với anh N là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh N thống nhất giao hai con chung tên Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 16/6/2002 và Nguyễn Minh Thắng, sinh ngày 20/9/2007 cho anh N tiếp tục nuôi dạy. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận trên là hợp lý, vì hiện nay chị T không có nhà ở, hơn nữa hiện nay các con đang sống với anh N và theo nguyện vọng của các con cũng xin được sống chung với anh N, do vậy xét thấy sự thỏa thuận trên là hợp lý nên công nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xin rút lại yêu cầu, anh N cũng không có yêu cầu phản tố. Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đình chỉ giải quyết.

[2.4] Về yêu cầu độc lập: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ xin rút lại yêu cầu độc lập

về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị T trả lại cho bà 09 chỉ vàng 24kara, 36.000.000đ và nền đất thổ cư có diện tích tích 103,5m2 thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 28, loại đất ở nông thôn tọa lạc tại xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Đ rút toàn bộ yêu cầu độc lập là tự nguyện nên đình chỉ giải quyết.

[2.5] Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị T phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010364 và 5.000.000đ theo biên lai thu số 0010365 cùng ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, chị T được nhận lại 5.000.000đ.

Do bà Đ rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập nên bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ theo biên lai thu số 0010409 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh N giao hai con chung tên Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 16/6/2002 và Nguyễn Minh Thắng, sinh ngày 20/9/2007 cho anh N tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc và giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu và được quyền thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xin rút lại yêu cầu, anh N cũng không có yêu cầu phản tố. Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đình chỉ giải quyết.

- Về yêu cầu độc lập: Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị T trả lại cho bà Đ 09 chỉ vàng 24kara, 36.000.000đ và nền đất thổ cư có diện tích tích 103,5m2 thuộc thửa đất số 535, tờ bản đồ số 28, loại đất ở nông thôn tọa lạc tại xã V T T, huyện C P, tỉnh An Giang.

- Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ; số tiền án phí chị T phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010364 và 5.000.000đ theo biên lai thu số 0010365 cùng ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, chị T được nhận lại 5.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P.

Bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ theo biên lai thu số 0010409 ngày 26/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C P;
- Chi cục THADS huyện C P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu